

Trang Nhà Quảng Đức



Mật Tông

Mật Tạng bộ 03 – No 1102 (Tr 454 → Tr 457)

KIM CƯƠNG ĐỈNH KINH ĐA LA BỒ TÁT NIỆM TỤNG PHÁP

Hán dịch: Chùa Đại Hưng Thiện – Tam Tạng Sa Môn Đại Quảng Trí

BẮT KHÔNG phụng chiếu dịch

Việt dịch: HUYỀN THANH

Quy mệnh Du Già Tự Tại Vương.
Khéo trụ nơi Tam Muội Như Huyền
Rộng khắp các Sát hải sâu tịnh
Hay hiển mọi thứ tùy loại Thân
Ta y Liên Hoa Vương Ứng Môn.
Mở bày pháp Đại Bi ĐA LA.
Vì khiến tu tập các Tam Muội
Xa lìa Định Vô Bi Nhị Thừa
Mau đủ Thần Thông Ba La Mật
Liên hay đốn chứng Như Lai Vị
Hành Giả nên phát Tâm Phổ Hiền
Theo Thầy nhận đủ Giới Kim Cương.
Chẳng nguyện: “Thân mệnh vượt Tâm Từ”
Liên hay Thâm nhập Luân Giải Thoát.

Nên theo Thầy nhận Tam Muội Gia.
Khế Ấn, Mật Ngữ như Kinh nói
Kính A Xà Lê (Àcàrye_ Đạo Sư) tưởng như Phật
Đối với Đồng học, Tâm ân trọng.
Hoặc ở sườn núi, A Lan Nhã (Àraṇya – nơi tịch tĩnh)
Sông, suối, ao, đầm, nơi Thích ý
Ngọn núi, hang, hốc đá, bên cây.
Xây dựng Đạo Trường như phép tắc.
Trang Nghiêm Tinh Thất đặt Bản Tôn.
Tùy sức cúng dường, nhất tâm trụ
Quán khắp các Phật Hải mười phương.
Sám hối, phát nguyện đều như Giáo
Vì thành ba nghiệp Kim Cương nên.
Ngay trong hai tay, lưởi, trái tim
Tưởng chữ Hồng (獨 - Hùm) thành chày Ngũ Trí
Do đấy gia trì Năng Tất Địa
Tiếp nên Kết Khế, tên Cảnh Giác
Hai tay đều nắm Kim Cương Quyền
Đàn Tuệ (2 ngón út) móc nhau, dựng Tiến Lực (2 ngón trỏ)
Hai Độ (2 ngón tay) dính nhau, tên Khởi Ấn
Chân Ngôn là:

“Ấn – phộc nhật_lộ để sắt_tra”

OM – VAJRA TIṢṬA – HÙM

Tiếp, nên kính lễ A Súc Tôn (Akṣobhya)

Xả thân Cầu Thỉnh Bất Thoái chuyển

Kim Cương hợp chưởng, duỗi trên đỉnh

Toàn thân sát đất, dùng Tâm Lễ

Chân Ngôn là:

**“Ấn – Tát phộc đất tha nghiệt đa, bố nho ba tát tha na dạ đáp_ma nam,
Niết li_dạ đa dạ nhĩ – tát phộc đất tha nghiệt đa, phộc nhật_la tát đất_phộc,
địa sắt_xá, tát_phộc - Hàm”**

* OM – SARVA TATHÀGATA PÙJA PASVANÀYA ATMANÀM –
NIRYÀTA YÀMI – SARVA TATHÀGATA VAJRASATVA ADHIṢṬA
SVÀMAM – HÙM

Tiếp lễ Nam phương Bảo Sinh Tôn (Ratna Saṃbhava)

Xả thân cầu thỉnh Quán Đỉnh Vị

Kim Cương hợp chưởng để ngang tim

Đặt Trán Sát đất chân thành lễ.

Chân ngôn là:

**“Án – Tát Phộc đất tha nghiệt đa, bố nhạ tỳ sái ca già, đất_ma nam –
Niết li_da đa, dạ nhĩ – Tát phộc đất tha nghiệt đa, phộc nhật la, la đất-ná. A Tỳ
Tru giả hàm”**

* OM – SARVA TATHÀGATA PÙJA ABHIṢAIKÀYA ATMANÀM
NIRYÀTA YÀMI – SARVA TATHÀGATA VAJRA RATNA ABHIṢIMCA
SVÀMAM – TRÀH.

Tiếp lễ Quán Tự Tại Vương Tôn (Avalokite 'svara Ràja)

Xả thân cầu thỉnh Tam Ma Địa

Kim Cương hợp chưởng đặt trên đỉnh

Để miệng sát đất, thành tâm lễ

Chân ngôn là:

**“Án – Tát Phộc đất tha nghiệt đa, bố nhạ, bát_la miệt lật_la ná gia,
đất_ma nam – Niết li_da đa, dạ nhĩ – Tát phộc đất tha nghiệt đa, phộc nhật_la
đạt ma, bát_la miệt lật_da dạ hàm”**

* OM – SARVA TATHÀGATA PÙJA PRAVARTTANÀYA ATMANÀM
NIRYÀTA YÀMI – SARVA TATHÀGATA VAJRA DHARMA PRAVARTTÀYA
SVÀMAM – HRÌH.

Tiếp lễ Bất Không Thành Tự Tôn (Amogha Siddhi)

Xả thân cầu thỉnh Thiện Xảo Trí

Kim Cương hợp chưởng để ngang tim

Để đỉnh sát đất, cúi đầu lễ

Chân ngôn là:

**“Án – Tát Phộc đất tha nghiệt đa, bố nhạ yết ma ni, A đất_ma nam, Niết
li_da đa, dạ nhĩ – Tát phộc đất tha nghiệt đa, phộc nhật_la yết ma, cú lỗ hàm”**

* OM – SARVA TATHÀGATA PÙJA KARMAṆI ATMANÀM NIRYÀTA
YÀMI – SARVA TATHÀGATA VAJRA KARMA KURU SVÀMAM – ÀḤ.

Tiếp lễ Chư Phật đầy Hư không

Nên kết giữ Ấn lễ khắp chân.

Thiền Tuệ (Ngón cái phải, ngón út trái) Đàn Trí (ngón út phải và ngón cái trái) cài ngược nhau

Gối phải sát đất, đặt (Ấn) Trên Đỉnh

Chân ngôn là:

“Ấn – Tát Phộc nhật_la, Vi”

* OM – VAJRA VÌḤ

Tiếp dùng Chân Ngôn Diệu Thành Tự

Nguyện khắp chúng sinh đồng Tát Địa

Tất cả Như Lai xưng tán Pháp

Nên nguyện Gia Trì mau thành tựu.

Chân Ngôn là:

“Ấn – Tát_phộc dát tha nghiệt đa hương tất đa, tát phộc tát dát_phộc nam, tát phộc tát đà dước, tam bát đồ đam, dát tha nghiệt đa Thất giả, địa đễ sắt_tổng đam”

* OM – SARVA TATHÀGATA SAMṢITÀḤ – SARVA SATVANÀM
SARVA SIDDHAYAḤ SAMPADYATNÀ TATHÀGATA 'SCA ADHITIṢṬATNÀ

Tiếp nên thẳng thân ngồi Kiết Già

Tĩnh trừ ba nghiệp khiến thanh tĩnh

Các pháp vốn có tính thanh tĩnh

Nguyện khiến ta, người (tự tha) đều không dơ.

Chân ngôn là:

“Ấn – Sa_phộc bà phộc thú đà, tát phộc đạt ma sa_phộc bà phộc thú độ hàm”

* OM – SVABHÀVA 'SUDDHA – SARVA DHARMA SVABHÀVA
'SUDDHA UHÀM

Tiếp Kết Liên Hoa Tam Muội Gia

Mười độ (10 ngón tay) cài nhau buộc bền chắc

Nhấn nguyện (2 ngón giữa) hợp dựng như cánh sen

Tưởng Thân đồng với Đa La Tôn.

Chân Ngôn là:

“Án – phộc nhật_la bát ná_ma Tam ma gia tát_đát_noan”

* OM – VAJRA PADMA SAMAYA STVAM

Tiếp kết Cực Hỷ Tam Muội Ấn

Hai cánh Định Tuệ (2 bàn tay) buộc bên chắc

Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) hợp cài lỏng ở giữa

Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiên Trí (2 ngón cái) dựng dính nhau.

Chân ngôn là:

“Án – Tam ma gia, Tố phộc đa, tát_đát_noan”

* OM – SAMAYA HOH SURATA STVAM

Tiếp đến Khai Tâm vào Phật Trí

Gia Trì hai vú: Đát la (氛- vú phải) Tra (誑 - vú trái)

Kết Kim Cương phộc để trước tim.

Ba Kéo (mở đẩy) Khai Tâm như mở cửa.

Chân Ngôn là:

“Án – phộc nhật_la, mẫn đà, đát_la Tra”

* OM – VAJRA BANDHA TRAT.

Tiếp Quán Đài Sen A Tự Môn (挑)

Hai điểm trang nghiêm (珙-AH) thành Tịch Trí (Trí Niết Bàn)

Thiên Trí (2 ngón cái) co vào Kim Cương phộc

Triệu chữ tuôn vào ở trong tim.

Chân Ngôn là:

“Án phộc nhật_la phệ xa_ác”

* OM – VAJRA AVI'SA AH

Tiếp kết Mật Hợp Kim Cương Quyển

Dùng đây gia trì khiến bên chắc

Tiến lực (2 ngón trỏ) vào Ấn, trụ Thiên Trí (2 ngón cái)

Nêu hay giữ vững chẳng lui mất (Thoái thất)

Chân ngôn là:

“Án phộc nhật_la, mẫu sắt_tri, hàm”

* OM – VAJRA MUṢṬI VAM

Tiếp Kết Liên Hoa Tội Ma Ấn.

Dùng đây tñnh trừ các chướng nạn

Nên dùng Kim Cương hợp chướng nghi

Tiến Lực (2 ngón trỏ) như Nanh, dựng Thiền Trí (2 ngón cái)

Vào Trụ Tâm Từ, hiện uy nộ

Xoay phải ba vòng thành Giới Phương.

Chân Ngôn là:

**“Ấn – ma ha chiến noa, vĩ thủy_phộc lộ ba, vĩ ca tra – Bát ná_ma
năng_sắt_tra – yết la la, vĩ sái noa – phộc tra đát la – đát la sa gia – sa_phộc
hàm – bát ná_ma dực khất_xoa khư đà, địa lực”**

* OM – MAHÀ CAṆḌA – VI'SVA RŪPA – VIKAṬA PADMA DAMṢṬRA
– RÀGA RA RA VIṢÀṆAVAT DHÀRÀ – TRÀ'SAYA SVÀMAM – PADMA
YAKṢA KHADA DHR

Tiếp, nên thẳng thân trụ Tam Muội

Hai vĩ (2 bàn tay) cài nhau làm Định Ấn

Không Giới bụi thân, các Phật Hải

Cảnh giác khiến Quán Tâm Chân Thật

Chân Ngôn là:

“Ấn – chất đa bát_la để vĩ đấng ca lỗ nhĩ “

* OM – CITTA PRATIVEDHAM KARA UMI

Liên quán chữ A (拏) làm vành trắng

Rồi dùng chân ngôn khiến sáng tỏ

Chân Ngôn là:

“Ấn – Mạo địa chất đa mẫu đát ba ná dạ nhĩ”

* OM – BODICITTAM UTPADA YÀMI

Bản Tính Tự Tâm với Thanh Tĩnh

Nên khéo quán sát Sen Kim Cương (vajra padma)

Chân Ngôn là:

“Ấn – Để sắt_tra bát ná_ma”

* OM – TIṢṬA PADMA.

Để thành một Tướng Thanh Tĩnh nên.

Khiến hé nở dần đồng pháp giới

Liên được Đại Bi Tam Ma Địa

Đều hay tĩnh khắp chúng sinh giới

Chân Ngôn là:

“Án – Tát phát la, bát_ná ma”

* OM – SPHARA PADMA.

Vì khiến Tam Muội Thuần thực nên

Đều khiến thu rút được Tự Tại

Sen Trí nhỏ dần bằng thân mình

Phát hào quang Tĩnh chiếu Tam Muội

Chân Ngôn là:

“Án – Tăng ha la, bát_ná_ma”

* OM – SAMHARA PADMA.

Tiếp dùng Chân ngôn Diệu Kiên Cố

Gia Trì hay khiến chẳng lay động.

Chân Ngôn là:

“Án – Niết_lý trà, đề_sắt_xá, bát_ná_ma”

* OM – DRDHA TIṢṬA PADMA

Các Như Lai hiện ở Hư không.

Đều vào Giác Hoa làm một thể

Nên biết Đẳng đồng với Chư Phật.

Bồ Đề Kiên Cố, Thệ nguyện đến

Chân Ngôn là:

“Án – Bát_ná_ma, đát_ma cú hàm, Tam ma dụ hàm, ma ha Tam ma dụ hàm, tát phộc đát tha nghiệt đa tỳ tam mạo đề, bát_ná_ma, đát_ma cú hàm”

* OM – PADMA ATMAKA UHÀṂ – SAMAYA UHÀṂ – MAHÀ SAMAYA UHÀṂ – SARVA TATHÀGATA ABHISAMBODHI, PADMA ATMAKA UHÀṂ

Liên quán Diệu Liên (Sen màu nhiệm) làm Bản Tôn

Thân Ngài Thanh Tĩnh màu vàng lục

Ma Ni, báu diệu làm châu lạc

Mão bấu, đầu đội Vô Lượng Thọ
Tay phải Ấn Dữ Nguyễn thù thắng
Tay trái cầm nắm hoa sen xanh.
Trụ ở Tam Muội nơi vành trăng
Tỏa khắp Từ Quang chiếu ba cõi
Tiếp dùng Căn Bản Thanh Liên Ấn
Tim, Trán, Họng, Đỉnh già Trì khắp.
Chân Ngôn là:

“Ấn – Đa li, đốt đa li, Hồng”

* OM – TÀRE TUTTÀRE – HÙM

Tiếp kết Ấn Tự Quán Đỉnh

Hai Vũ (2 bàn tay) Kim Cương phộc kiên cố

Tiến lực (2 ngón trỏ) Thiên Trí (2 ngón cái) như hình bấu

Gia Trì trên trán, buộc sau Đỉnh

Chân Ngôn là:

**“Ấn – phộc nhật_la la dát_na tỳ tru giả hàm – tát phộc mẫu nại_la mê –
Niết_li câu cú lỗ, phộc la ca phộc chế ná hàm”**

* OM – VAJRA RATNA ABHIṢIMCA MAM – SARVA MUDRA ME
DRDHA KURU, VAJRA KAVACEDA MAM

Hai tay như rữ giải hoa man (Tràng hoa)

Liên tự mặc áo giáp Kiên cố

Kết Kim Cương Quyền duỗi Tiến Lực (2 ngón trỏ)

Tưởng chữ Ấn (𑖇 : ngón trỏ phải) Châm (𑖇: ngón trỏ trái) trên mặt ngón

Tim, lưng, rốn, eo với hai gối

Họng, trán, sau đỉnh đều ba vòng

Đàn Tuệ (2 ngón út) buông trước, rữ Thiên Y (áo khoác ngoài)

Liên hay bền chắc không lay động.

Nên dùng hay vũ (2 bàn tay) vỗ ba lần

Đấy là Nghi Ấn Liên Hoa Hỷ.

Chân Ngôn là:

“Ấn – Bát ná_ma, đố sử dã, cốc”

* OM – PADMA TUṢYA HOḤ

Tiếp nên nghiêm tịnh Quốc Thổ Phật.
Vì muốn phụng sự các Như Lai.
Đế Quán (chân thật quan sát) biển nước thơm vô tận.
Trên Sen Diệu, giữ HOA TẠNG GIỚI
Điện báu Ma Ni dùng trang nghiêm.
Vượt hơn vật cúng diệu của Trời
Hư không Chư Thiên là Thứ Năm
Ước muốn đều từ Hư không đến
Tâm vui cúng dường các thánh chúng
Nguyện khiến như ý, viên mãn khắp.
Dùng chân thật này Gia Trì xong
Nên Kết Nghi Kim Cương chưởng.

Chân Ngôn là:

“Án – Nga nga nãng, Tam bà phộc, phộc nhật_la, cốc”

* OM GAGANA SAMBHAVA VAJRA HOH

Đất báu trang nghiêm trên tòa sen
Đốt_lượng (Tràm) tự môn thành Bản Tôn.
Phóng hào quang tịnh hơn Nhật Nguyệt
Quyển Thuộc Liên Hoa đều quay quanh.
Tiếp dùng phương tiện Mật Thỉnh Triệu
Triệu Tập Tôn Thân vào Trí Thể
Hai cánh Định Tuệ (2 bàn tay) buộc bền chắc
Tiến Lực (2 ngón trở) đều co như móc câu

Chân Ngôn là:

**“Án – Bát ná_mang, câu xá, ca li_sái gia, ma ha bát ná_ma, câu lan, ha đã
hật_li phộc, tam ma diễm, Hồng nhược”**

*) OM – PADMA ANKU'SA AKARŞÀYA – MAHÀ PADMA KURU
HAYAGRÌVA – SAMAJAM HÙM JAḤ.

Tiếp kết Đại Ấn Liên Hoa Sách

Liên Hoa Trí (ngón cái trái) vào trong Tiến Thiên (ngón trở phải, ngón cái
phải)

Dùng Mật Ấn này với Chân Ngôn

Triệu Thỉnh Bản Tôn hay dẫn vào.

Chân Ngôn là:

“Án – A mục già bá xá, cú lỗ đà, tam ma duệ, bát_la phệ xá, bát la phệ xá gia – Tát phộc tam ma diên - Hồng”

*) OM – AMOGHA PÀ'SA KRODHA SAMAYE – PRAVE'SA.
PRAVE'SÀYA – SARVA SAMAYAM – HÙM.

Tiếp kết tay hoa làm Tỏa Ấn

Tiến Lực (2 ngón trỏ) Thiên Trí (2 ngón cái) đều móc kết

Dùng Liên Hoa Chỉ Lưu Ấn này

Hay Khiến Bản Tôn Trụ bền chắc.

Chân Ngôn là:

“Án – Bát ná_ma, Thương ca li, hàm”

* OM – PADMA SAMKARE – HÙM

Tiếp Kết Mật Ấn Liên Hoa Linh

Thiên Trí (2 ngón cái) co vào Liên Hoa chưởng

Dùng Mật Ấn này với Chân Ngôn

Hay khiến Bản Tôn Diệu hoan hỷ.

Chân Ngôn là:

“Án – Bát ná_ma Kiện Tra, đà li, thí già_la ma phệ xá gia, tam ma gia, sát mục khư, ác”

* OM – PADMA GHAMṬA DHÀRI - 'SÌGHRAM AVI'SÀYA SAMAYA
SAMUKHE – AH.

Tiếp dùng Diệu Già Đà Thích Ý

Phụng trì ứ Già, hiến nước thơm

Diệu âm tràn đến cõi vô biên

Dùng Già trì này mau thành tựu.

Chân Ngôn là:

“Ná mạc duệ ná tát đế na – bà nga phộc đế, mạo địa mẫu đà la, nỗ đa la, phộc nhật_la đạt ma, Bát_la dụ nghi ná – Đế ná tát đế ná, tát đình hàm – Ấn – Đa lợi, đốt đa lợi, đốt lợi, tát_phộc ha”

* NAMO SINA SATYA BHAGAVATE (Quy mệnh Đức Thế Tôn cung cấp sự chân thật) BODHI MUDRA (Giác Tuệ Ấn) ANUTTARA (tối thượng)
VAJRADHARMA (Kim Cương pháp) PRAYOGINÌ (Thắng công bằng) SINA SATYA (cung cấp sự chân thật) SIDDHIM MAM (Tôi thành tựu)

OM – TÀRE TUTTÀRE TURE – SVÀHÀ.

Tiếp nên rộng bày bốn NỘI CÚNG

Hoa chưởng, dựng thẳng cứng Thiên Trí (2 ngón cái)

Dùng Liên Hoa Hỷ Hý này nên.

Hay mãi Đàn Na Ba La Mật (Dàna pàramità – Bố Thí Độ)

Chân Ngôn là :

” An_ Bát ná-ma, la đễ, bố nhi duệ, cốc “

OM_ PADMA RATI PUNYE HAḤ

Tiếp kết Mật Ấn Liên Hoa Man

Liên Hoa Chưởng trước duỗi cánh tay

Do hiến Hoa Man cúng dường nên

Sẽ mãi Tịnh Giới Ba La Mật (‘Sila Pàramità)

Chân Ngôn là:

“Án – Bát ná_ma, Bật sái ca, bố nhi duệ, đát_la tra”

OM_ PADMA PUṢPA PUNYE TRAṬ

Do kết Ấn Liên Hoa Ca Vịnh

Hoa Chưởng từ rốn đến miệng buông

Hiến Như Lai Diệu Pháp Âm này

Hay mãi An Nhẫn Ba La Mật (Kṣànti Pàramità)

Chân Ngôn là :

” An_ Bát ná-ma , nghĩ đa, bố nhi duệ, nghi “

* OM – PADMA GÌTA PUNIYE – GÌḤ

Tiếp kết Liên Hoa Vũ cúng dường

Hoa chưởng chuyển múa đặt trên đỉnh

Do Mật Ấn này và chân ngôn.

Mau đủ Tinh Tiến Ba La Mật (Vīrya pàramità)

Chân Ngôn là:

“Án – Bát ná_ma, Niết_lị đễ_dã, bố nhi duệ, ngật_lị_tra”

* OM – PADMA NRṬYE PUNIYE – KRṬ

Tiếp Kết Ấn Liên Hoa Phần Hương

Hoa chưởng buông xuống như đốt hương

Do uy lực của Ấn phần Hương

Sẽ chứng Tĩnh lự Ba La Mật (Dhyàna Pàramità)

Chân Ngôn là:

“Ấn – Độ ba bát ná_nhĩ nễ - Hồng”

* OM_ DHÙPA PADMINI – HÙM

Tiếp Kết Liên Hoa Hoa cúng dường.

Hoa chưởng dung lên như hiến hoa.

Do hiến hoa màu nhiệm trang nghiêm

Mau chứng Bát Nhã Ba La Mật (Prajña Pàramità)

Chân Ngôn là:

“Ấn – Bát ná_ma, mẫu sắt_tri - Hồng”

* OM – PADMA MUṢṬI HÙM

Tiếp Kết Ấn Liên Hoa Đẳng Minh

Thiền Trí (2 ngón cái) che trước Tay Hoa Sen (Liên Hoa Thủ)

Dùng Đẳng Minh cúng dường này nên

Sẽ mãn Phương Tiện Ba La Mật (Upaya Pàramità)

Chân Ngôn là:

“Ấn – Bát ná_ma, cú la – Trục nại li, đạt ma lỗ kế, bố nhi duệ, bố nhạ da, Hồng”

* OM – PADMA KULA MUDRI – DHARMA ÀLOKE PUṆIYE PÙJÀYA – HÙM

Tiếp kết Ấn Liên Hoa Đồ Hương.

Bung chưởng trên Tim như xoa hương.

Dùng Nghi Mật Ấn Chân Ngôn này

Hay mãn Thệ Nguyện Ba La Mật (Pranidhaṇa pàramità)

Chân Ngôn là:

“Ấn – Bát ná_ma, nghiên đề, Hồng”

* OM – PADMA GANDHE – HÙM

Tiếp Kết Bản Tôn Căn Bản Ấn

Dùng Ấn Gia Trì trên tim mình

Hai vũ (2 bàn tay) Trí Quyển cùng ngược lóng

Tiến Lực (2 ngón trỏ) Thiền Trí (2 ngón cái) dựng hợp nhau.

Chân Ngôn là:

“Án – Bát ná_ma, đa lê, hồng”

OM_ PADMA TÀRE HÙM

Tiếp kết Bát Không Đa La Tâm

Đem Ấn gia trì ở trên đỉnh

Theo tướng Căn Bản Mật Ấn trước

Sửa dựng Đàn Tuệ (2 ngón út) khiến dính nhau

Chân Ngôn là :

” An_ Vĩ bố la, đa lê, hồng “

OM_ VIPULA TÀRE HÙM

Tiếp kết Bản Tôn Bảo Quan (Mão báu) Ấn

Đem Đại Ấn này đặt trên đỉnh

Theo Tâm Ấn trước dựng Nhãn Nguyệt (2 ngón giữa)

Tiến Lực (2 ngón trỏ) co tránh lưng hai Độ (2 ngón giữa)

Chân Ngôn là :

” An_ Bát- la tát la, đa lê, hồng “

* OM_ – PRASARA TÀRE – HÙM

Tiếp Kết Chân Thật gia Trì Ấn

Dùng dây hay Triệu Thỉnh Tất Cả

Theo Ấn Bảo Quan Quán Đỉnh trước

Chỉ đưa Tinh Tiến độ (ngón trỏ phải) qua lại

Chân Ngôn là:

“Án – A mộ già, đa lê, Hồng”

* OM_ AMOGHA TÀRE – HÙM

Tiếp Kết Tội Hoại Chư Ma Ấn

Dùng dây hay phục kẻ khó phục

Theo Ấn Quán đỉnh Bảo Quan trước

Duỗi thẳng Lực Độ (ngón trỏ cái) xoay bên phải

Chân Ngôn là:

“Án – Tam ma già, đa lê, Hồng”

* OM_ SAMAYA TÀRE HÙM

Tiếp dùng Tự Môn bày trên Thân

Chữ **Án** (𢇛) trên đỉnh, **Đá** (出) trên trán

Chữ **Lê** (刑) hai mắt, **Đốt** (加) hai vai

Chữ **Đá** (出) ngang tim, **Lê** (刑) ngay rốn

Chữ **Đốt** (加) hai gối, **Lê** (刑) hai bắp chân

Tát phộc (送) chân trái, **Ha** (扣) chân phải.

Bốn Minh dẫn Tôn vào thân mình

Dùng gia trì này, không hai Thử

Nenu Kết Thanh Liên Căn Bản Án

Xưng tụng Liên Hoa Bách Tự Minh

Hai vũ Định Tuệ (2 bàn tay) cài chéo trong

Tiến Lực (2 ngón trỏ) Thiên Trí (2 ngón cái) dựng dính nhau

Chân Ngôn là:

“Án – Bát ná_ma, tát dát phộc, Tam ma gia – Ma nỗ bá la gia – Bát ná_ma, tát dát-phộc – Đát vĩ nỗ ba để sắt_tra – Niết_lị noa_hộ, mị bà phộc – Tố đồ sử dụ, mị bà phộc – A nỗ la ngật_đỗ, mị bà phộc – Tố bổ sử dụ, mị bà phộc – tát phộc tát địa, mị bát_la – địa sai – tát phộc yết ma tố giả mị – chất đa thất_lệ dước – cú lỗ, hồng – ha ha ha ha. Cốc – bạc già phạm – tát phộc dát tha nghiệt đa – bát ná_ma – ma mị muộn già – Bát ná mị bà phộc – ma ha Tam ma gia Tát dát_phộc – Hột_lị”

* OM – PADMASATVA SAMAYAM – ANUPÀLAYA –
PADMASATVA TVENA UPATIṢṬA – DR̥DHO ME BHAVA – SUTOṢYO ME
BHAVA – ANURAKTO ME BHAVA – SUPOṢYO ME BHAVA – SARVA
SIDDHIṀ ME PRAYACCHA – SARVA KARMA SU CA ME CITTAM
'SRÌYAM KURU HÙM – HA HA HA HA HOḤ – BHAGAVAM – SARVA
TATHÀGATA PADMA MÀ ME MUṀCA – PADMI BHAVA – MAHÀ
SAMAYASATVA – HRÌḤ

Xưng tụng Chân Ngôn trăm chữ xong

Chẳng giải Án trước, niệm Bản Minh.

Chân Ngôn là:

**“Ná mô la dát_na dát_la dạ dã – Ná mạc A lị_dã phộc lỗ chỉ đế,
thất_phộc la gia, mạo địa tát dát_phộc gia, ma ha tát dát_phộc gia, ma ha ca lỗ
ni ca gia – Đát nỗ_dã tha: Án – Đa lê, đốt đá lê, đốt lê, Tát_phộc ha”**

* NAMO RATNA TRAYÀYA

NAMAḤ ÀRYA AVALOKITE'SVARÀYA BODHISATVÀYA, MAHÀ
SATTVÀYA MAHÀ KÀRUṆIKÀYA.

TADYATHÀ: OM – TÀRE TUTTÀRE TURE – SVÀHÀ

Lại dùng chân ngôn Gia trì châu (Tràng hạt)

Nâng lên đỉnh đội, ngang tim, niệm

Chân Ngôn là :

” An_ Phộc nhật-la, bá vĩ đất-la , tam ma gia, hồng “

OM_ VAJRA PAVITRA SAMAYA HÙM

Tiếp trì số hạn kết thúc xong

Lại hiển Ú Già tụng Diệu Tán

Đặt bày tám Cúng , phát nguyện xong

Giải Giới tưởng Tôn về Bản Cung

Kết Liên Hoa Tam Muội Gia trước

Trên đỉnh bung Hoa, lễ dưới chân

Chân ngôn là:

**“An – Ngật li đố phộc, tát phộc tát đất phộc lật thác – tất địa nại đa – đã
tha nỗ nga – nghiệt sai đặc noan – một đà vi sai diễm – Bồ na la nga – ma na
đã đô – An – Bát na_ma, tát đất_phộc, mục”**

* OM – KRTOVAḤ – SARVA SATVA ARTHA – SIDDHIRDATTÀ
YATHA ANUGÀ – GACCHADHVAM – BUDDHA VIṢAYAM – PUNARÀGA
MANÀYATU – OM – PADMASATVA – MUḤ

Dùng đây Phụng Tống Bản Tôn xong

Gia Trì Quán đỉnh, mặc giáp trụ

Kiên Trú Bản Tôn Tam Ma Địa

Tự Ý ngưng nghỉ hoặc kinh hành

Lại nên chuyển Địa Ma Ha Diễn (Mahà yàna – Đại Thừa)

Thường khiến Tịnh Nghiệp chẳng gián đoạn

Sẽ được **Đa La** (Tàrà) hiện trước mặt

Thắng Nguyện mong cầu đều Viên mãn

Đời này được vào HOAN HỠ ĐỊA

Mười sáu đời sau thành Bồ Đề.

KIM CƯƠNG ĐỈNH ĐA LA BỒ TÁT NIỆM TỤNG PHÁP (Hết)

Biên tập nội dung: Tỳ kheo Thích Nguyên Tạng

Xin gửi bài mới và ý kiến đóng góp đến ban biên tập qua địa chỉ: quangduc@tpg.com.au
Ghi rõ nguồn "**Trang nhà Quảng Đức**" khi bạn phát hành lại thông tin từ website này.